TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/08/2019
Tranh chấp V/v Kiện xin ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Thế Hưng**.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh.
2. Ông Đào Xuân Tìm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019 về việc *"Kiện xin ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/07/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/07/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Tr, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Thôn C, Xã V, Huyện K, Tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Số 56 C, Phường M, Quận N, Thành phố Đà Nẵng- *Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn C, Xã V, Huyện K, Tỉnh Hải Dương – *Vắng mặt tại phiên tòa, không lý do*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/02/2019, biên bản lấy lời khai, hòa giải nguyên đơn - chị Vũ Thị Tr trình bày: Chị và anh Ngô Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 13/06/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q ham chơi cờ bạc, cầm cố, vay nặng lãi, về nhà vợ nhắc nhở thì lại lăng mạ, chửi bới vợ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, kinh tế gia đình khó khăn, nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng, khi mang chị mang thai con thứ 2, do không chịu được áp lực do mâu thuẫn, chị đã vào Đà Nẵng sinh con. Năm 2018 anh chị có quay lại chung sống với nhau, để anh Q có cơ hội sửa chữa, nhưng mâu thuẫn vợ chồng lại càng trầm trọng hơn, do anh không bỏ được việc ăn chơi, nợ nần. Do vậy, tháng 10/2018 chị đưa hẳn 02 con vào Đà Nẵng sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng đã chính thức sống ly thân, không còn ai quan trâm tới nhau. Nay chị đề nghị được ly hôn, để yên tâm sinh sống và nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 19/12/2014 và Ngô Bảo C, sinh ngày 04/11/2017. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T, để anh nuôi cháu C và không ai phải đóng góp nuôi con cho ai.

Về tài sản, nợ chung: Không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy khai ngày 30 tháng 05 năm 2019, biên bản hòa giải, bị đơn anh Ngô Văn Q trình bày: Anh và chị Vũ Thị Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 13/06/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chủ yếu sống ở nhà bố mẹ anh tại thôn C, xã V. Có thời gian ngắn, vợ chồng sống ở Đà Nẵng và Hải Phòng, nhưng chỉ khoảng vài tháng là về sống với bố mẹ anh tại thôn C, xã V, huyện Kim Thành. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chơi bời, nợ nần gây ra cho kinh tế khó khăn, ảnh hướng đến tình cảm vợ chồng, vợ chồng cãi vã nhau nhiều, dẫn đến cuộc sống căng thẳng, nặng nề, vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Tháng 10/2018 chị Tr bỏ vào Đà Nẵng sinh sống và mang theo cả hai con. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Tr xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, mà mong muốn Tòa hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Còn nếu chị Tr cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 19/12/2014 và Ngô Bảo C, sinh ngày 04/11/2017. Khi ly hôn, chị Tr đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T, để anh tiếp tục nuôi cháu C và không ai phải đóng góp nuôi con cho ai thì anh đồng ý.

Về tài sản, công nợ chung: Không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh tại thôn, xã và gia đình anh Q đều thể hiện vợ chồng anh chị có diễn tiến mâu thuẫn như vợ chồng đã trình bày bên trên và xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết là không chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. *Về nội dung:* Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đề nghị giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con lớn cho chị, con nhỏ cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại huyện Kim Thành, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xử án vắng mặt, bị đơn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn:* Chị Vũ Thị Tr và anh Ngô Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K ngày 13/06/2014 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của chị Tr, anh Q, lời khai của những người làm chứng, cung cấp của ban ngành đoàn thể địa phương nơi vợ chồng cư trú là có đủ cơ sở xác định vợ chồng chị Tr, anh Q chung sống đã có mâu thuẫn đến mức trầm trọng, nguyên nhân do anh chơi bời, nợ nần, gây ra cho kinh tế gia đình khó khăn, ảnh hướng đến tình cảm vợ chồng, dẫn đến cãi vã nhau nhiều, cuộc sống căng thẳng, nặng nề, vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Chị bỏ vào Đà Nẵng sinh sống từ tháng 10/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Việc anh đề nghị đoàn tụ với chị, nhưng lại cố ý không có mặt khi hoà giải chứng tỏ đây chỉ là cái cớ gây khó khăn cho chị khi chị chủ động xin ly hôn anh. HĐXX xác định đã có đủ cơ sở xác định tình trạng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Con Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 19/12/2014 hiện đang ở với chị và con Ngô Bảo C, sinh ngày 04/11/2017 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh chị đều có quan điểm để chị tiếp tục nuôi cháu T, để anh tiếp tục nuôi cháu C và không ai phải đóng góp nuôi con cho ai. HĐXX xét thấy việc vợ chồng đã tự bàn bạc phân định quyền nuôi con vào tháng 5/2019 là đã đảm bảo quyền lợi của các con chung của anh chị, nên chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản, công nợ chung:* các đương sự đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Tr là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 35; Điều 39; Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử về tình cảm vợ chồng:

Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Tr. Xử cho chị Vũ Thị Tr được ly hôn với anh Ngô Văn Q.

3. Về con chung: Xử giao con chung là Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Vũ Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, Ngô Bảo C, sinh ngày 04/11/2017 cho anh Ngô Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ tháng 8/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận quan điểm tự nguyện của vợ chồng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Trang đã nộp tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2017/0003912 ngày 19/03/2019, chị Tr đã nộp xong án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết./.

Nơinhận:
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Kim Thành;*
- *UBND xã V, huyện Kim Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu V.P.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng